TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Kiên Nhẫn

Ông Nguyễn Văn Mua

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên toà.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:135/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Vĩnh Long.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim C trình bày như sau: Chị C yêu cầu ly hôn với anh S; Về con chung: Chị C yêu cầu được

nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nội dung vụ án: Chị Huỳnh Thị Kim C và anh Nguyễn Thái S thống nhất được các vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Chị C và anh S đám cưới vào mùng 4/11/2012âl, hôn nhân do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện E, tỉnh Vĩnh Long.

Theo chị Huỳnh Thị Kim C trình bày: Vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có tính gia trưởng thường xuyên đánh đập chửi mắng chị C vô cớ, anh S không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời, không biết quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, anh S tính toán chi li với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và từ đó vợ chồng ly thân sau cùng từ ngày 22/chạp/ 2015 đến nay không trở về đoàn tụ được lần nào.

Theo anh Nguyễn Thái S trình bày: Vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh S là do vào ngày 17/10/2015âl chị C tự ý lấy vàng trong nhà đi về nhà mẹ ruột sống rồi đến ngày 21/12/2015âl thì chị C về dẫn con đi nên vợ chồng ly thân cho đến nay, trong thời gian chị C sống ở nhà mẹ ruột thì anh S có lên thăm con nhưng bị gia đình chị C hành hung nên từ đó anh S không có lên thăm con thường xuyên nữa mà chỉ những lần đám tiệc mới ghé thăm con nên vợ chồng không thể hàn gắng về đoàn tụ được. vợ chồng ly thân sau cùng từ ngày 22/chạp/ 2015 đến nay.

Về con chung: Chị C và anh S thống nhất trình bày có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014. Hiện đang sống với chị C.

Về tài sản chung:

+ Chị C thừa nhận là khi vợ chồng cưới nhau có 06 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới nhưng trong thời gian vợ chồng ly thân 07 năm nay thì chị C đã bán hết số vàng trên để trang trãi cuộc sống của hai mẹ con nên hiện tại 06 chỉ vàng 24K đã không còn nữa. Hiện nay về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh S trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung 06 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới gồm các món đồ như sau:

+ 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K;

+ 01 chiếc lắc tay 03 chỉ vàng 24K;

+ 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K.

Hiên tại các tài sản trên hiện nay đều do chị C đang quản lý và sử dụng.

Về nợ chung: Chị C và anh S thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Huỳnh Thị C vẫn giữ yêu cầu ly với anh Nguyễn Thái S; Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, chị C yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh S đồng ý ly hôn với chị C; Về con chung: Anh S yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh S yêu cầu được hưởng 02 chỉ vàng 24K, anh S đồng ý giao cho chị C được hưởng 04 chỉ vàng 24K. Hiện nay chị C đang quản lý là 06 chỉ vàng 24K, nên anh S yêu cầu chị C giao trả lại cho anh S 02 chỉ vàng 24K, còn lại 04 chỉ anh S đồng ý giao cho chị C tiếp tục quản lý và sử dụng; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa.

[2] Về nội dụng vụ án: Tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn giữ yêu cầu ly với anh S; Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, chị C yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh S đồng ý ly hôn với chị C; Về con chung: Anh S yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, anh S không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh S yêu cầu được hưởng 02 chỉ vàng 24K, anh S đồng ý giao cho chị C được hưởng 04 chỉ vàng 24K. Hiện nay chị C đang quản lý là 06 chỉ vàng 24K, nên anh S yêu cầu chị C

giao trả lại cho anh S 02 chỉ vàng 24K, còn lại 04 chỉ anh S đồng ý giao cho chị C tiếp tục quản lý và sử dụng; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1] Xét về hôn nhân: Khi chị C và anh S cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện E, tỉnh Vĩnh Long đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay chị C giữ yêu cầu ly hôn với anh S, vì chị C cho rằng trong quá trình ly thân từ năm 2015 cho đến nay giữa chị C và anh S chưa trở về đoàn tụ được, chị C xác định tình cảm chị C đã giành cho anh S không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được, mà tại tòa hôm nay thì anh S cũng đồng ý ly hôn với chị C. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim C đối với anh Nguyễn Thái S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cho chị Huỳnh Thị Kim C được ly hôn đối với anh Nguyễn Thái S.

[2.2] Xét về con chung: Tại phiên tòa chị C giữ yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, chị C yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Bị đơn anh S cũng yêu cầu xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014, anh S không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc anh S yêu cầu xin được nuôi con là cháu Cẩm T là chưa có cơ sở xem xét. Bởi vì tại phiên tòa hôm nay anh S cũng thừa nhận là trong quá trình giữa anh S và chị C ly thân với nhau thì anh S không có trực tiếp để nuôi cháu Cẩm T, phía chị C có yêu cầu anh S để cấp dưỡng nuôi con thì anh S cho rằng làm không đủ sống đâu có dư mà cấp dưỡng nuôi con, anh S còn cho rằng nghề sửa xe của anh S rất bắp bênh bửa có, bửa không, vậy việc anh S yêu cầu nuôi cháu Cẩm T là anh S chưa có điều kiện để nuôi cháu Cẩm T. Mà tại Tòa hôm nay anh S cũng chưa có những chứng cứ gì để chứng minh là anh S có đủ điều kiện để nuôi con là cháu Cẩm T. Do vậy từ những nhận trên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc yêu cầu xin nuôi con của anh S là có căn cứ. Xét việc yêu cầu xin được nuôi con của chị C là có cơ sở xem xét. Bởi vì: Từ khi giữa chị C và anh S hai người ly thân với nhau cháu Cẩm T đều do chị C là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tại tòa chị C trình bày hiện nay chị C đang có việc làm ổn định hàng tháng thu nhập từ 6.000.000 trở lên, mà hơn thế nữa cháu Cẩm T là bé gái đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý và thể chất rất cần sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Điều quan trọng hiện nay cháu Cẩm T đang sống với chị C, đã quen với sự chăm sóc của người mẹ. Từ những cơ sở đó để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt thể chất, tinh thần của cháu Cẩm T tránh làm xáo trộn về tâm sinh lý của cháu khi thay đổi chỗ ở, trường học và môi trường sống. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị C là

có căn cứ. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014 cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị C về việc yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Cẩm T theo quy định của pháp luật là có cơ sở xem xét; Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị C là có căn cứ. Buộc anh Nguyễn Thái S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014 theo quy định của pháp luật là bằng ½ của mức lương hiện hành với số tiền là: 745.000đồng/ tháng cho đến khi cháu Cẩm Tiên tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị C và anh S thống nhất trình bày khi vợ chồng cưới nhau có 06 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới các tài sản trên do chị C đang quản lý. Ngoài ra không có tài sản nào khác.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 26/8/2019 của anh S là anh S yêu cầu được hưởng 02 chỉ vàng 24K và anh S đồng ý giao cho chị C được hưởng là 04 chỉ vàng 24K. Hiện nay chị C đang quản toàn bộ tài sản nêu trên, nên anh S yêu cầu chị C có trách nhiệm giao lại cho anh S 02 chỉ vàng 24K. Còn phía chị C không đồng ý theo yêu cầu của anh S, mà chị Ccho rằng khi vợ chồng ly thân chị C đã bán hết toàn bộ số vàng nêu trên để nuôi con.

Xét yêu cầu của anh S là yêu cầu được hưởng 02 chỉ vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng là có cơ sở để xem xét. Bởi vì: Tại phiên tòa hôm nay phía chị C và anh Sđều thừa nhận tài sản chung của vợ chồng là 06 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới và chị C cũng trình bày khi chị C và anh S ly thân với nhau thì chị C là người trực tiếp quản lý toàn bộ tài sản nêu trên, chị C và anh S ly thân với nhau thì chị C đã bán hết toàn bộ số tài sản là 06 chỉ vàng 24K, chị C cũng cho rằng khi bán tài sản nêu trên chị C cũng không có hỏi qua ý kiến của anh S, mà chị C tự bán để nuôi con, tại tòa hôm nay chị C cũng không cung cấp được những chứng cứ gì để chứng minh là việc chị C dùng số vàng nêu trên vào việc để nuôi con, nên chị C không đồng ý giao lại cho anh S 02 chỉ vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng là chưa có căn cứ. Theo quy định tại Điều 59 Luật nhân và gia đình năm 2014 thì việc anh S yêu cầu được hưởng 02 chỉ vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp. Từ những nhận nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái S là đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy anh S và chị C mỗi người được hưởng tài sản chung của vợ là 06 chỉ vàng 24k như sau:

+ Anh Nguyễn Thái S được hưởng 02 (hai) chỉ vàng 24K

+ Chị Huỳnh Thị Kim C được hưởng 04 (bốn) vàng 24K

Hiện nay chị C đang quản lý toàn bộ tài sản là 06 chỉ vàng 24K. Buộc chị C có trách nhiệm trả lại cho anh S 02 (Hai) chỉ vàng 24K

[2.4] Xét về nợ chung: Chị C và anh S không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.125.000^{đ}/ 01chỉ vàng 24K. Như vậy chị C và anh S mỗi người phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm như sau:

+ Chị C được hưởng 04 chỉ vàng 24K x 4.125.000^{đ} = 16.500.000^{đ} x 5% = 825.000^{đ} là tiền án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000^{đ} tiền án phí về việc ly hôn. Tổng cộng chị C phải chịu hai khoản án phí là: 1.125.000^{đ}**,** được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ}, mà chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011964, ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nên chị C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 825.000^{đ} (Tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

+ Anh S được hưởng 02 chỉ vàng 24K x 4.125.000^{đ} = 8.250.000^{đ} x 5% = 412.500^{đ} là tiền án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000^{đ} tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh S phải chịu hai khoản án phí là: 712.500^{đ}**,** được khấu trừ vào số tiền 231.000^{đ}, mà anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012065, ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nên anh S phải nộp tiếp số tiền án phí là 481.500^{đ} (Bốn trăm tám mươi mốt ngàn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Kim C;

- Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kim C được ly hôn đối với anh Nguyễn Thái S

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Cẩm T, sinh ngày 03/5/2014 cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Thái S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Cẩm T mỗi tháng là 745.000đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Cẩm T tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh S.

Anh Nguyễn Thái S và chị Huỳnh Thị Kim C mỗi người được hưởng phần tài sản như sau:

+ Anh Nguyễn Thái S được hưởng 02 (hai) chỉ vàng 24K

+ Chị Huỳnh Thị Kim C được hưởng 04 (bốn) vàng 24K

Hiện nay chị C đang quản lý toàn bộ tài sản là 06 chỉ vàng 24K. Buộc chị C có trách nhiệm trả lại cho anh S 02 (Hai) chỉ vàng 24K

- Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim C và anh Nguyễn Thái S không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Huỳnh Thị Kim C nộp 300.000^{đ} tiền án phí về việc ly hôn và nộp số tiền là: 825.000^{đ} là tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng chị C nộp hai khoản án phí là: 1.125.000^{đ} (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ}, mà chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011964, ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nên chị C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 825.000^{đ} (Tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

+ Anh Nguyễn Thái S nộp 300.000^{đ} tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con và nộp số tiền là: 412.500^{đ} là tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng anh S nộp hai khoản án phí là: 712.500^{đ} (Bảy trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền 231.000^{đ}, mà anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012065, ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nên anh S còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 481.500đ (Bốn trăm tám mươi mốt ngàn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận *:*
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Đương sự
- Lưu: 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Sương